



Phụ lục XI

NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH XE CẢI TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

I. Đối với xe cơ giới

Xe cơ giới cải tạo là xe có sự thay đổi một trong các đặc điểm sau:

1. Nhãn hiệu.

2. Loại phương tiện.

3. Kích thước cơ bản của xe (kích thước bao, khoảng cách trục, vết bánh xe), không áp dụng với trường hợp nêu tại điểm b, điểm c khoản 6 Mục này; kích thước lòng thùng hàng, không áp dụng với trường hợp điểm d khoản 6 Mục này; kích thước bao xi téc.

4. Khối lượng cơ bản của xe (gồm có: khối lượng bản thân, khối lượng hàng chuyên chở, khối lượng toàn bộ của xe, khối lượng phân bố lên trục của xe).

5. Số người cho phép chở.

6. Kiểu dáng, kết cấu của cabin, khung, thân vỏ, thùng hàng xe cơ giới, trừ các trường hợp sau:

a) Thay đổi về trang, thiết bị nội thất (lắp bên trong khoang chở người với điều kiện không ảnh hưởng đến kết cấu an toàn của xe) gồm có: bọc nội thất, cơ cấu điều chỉnh ghế, màn hình giải trí, thiết bị âm thanh, camera quan sát, camera hành trình, điều khiển điều hòa, đèn trang trí trong xe. Các thay đổi theo tùy chọn của nhà sản xuất do các đại lý hoặc nhà phân phối được ủy quyền của nhà sản xuất hoặc nhập khẩu thực hiện gồm: vô lăng (không thay đổi số túi khí và cơ cấu lái), bảng đồng hồ hiển thị thông tin xe, ghế (không thay đổi số lượng ghế), cần số (không thay đổi kết cấu hộp số).

b) Thay đổi trang bị ngoại thất gồm: cản trước, cản sau, lưới tản nhiệt được cung cấp và công bố bởi nhà sản xuất hoặc thông qua đại lý, nhà phân phối được ủy quyền; ốp sườn; ốp viền chắn bùn; cánh gió đuôi; ốp vành bánh xe; ống hút gió, cốp nóc, bậc bước chân gập điện với yêu cầu sau khi lắp các trang bị nêu trên phải có kích thước bao (dài, rộng, cao) so với thông số tương ứng trên thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe nhập khẩu hoặc phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe sản xuất lắp ráp hoặc giấy chứng nhận xe cải tạo không vượt quá 100 mm, đồng thời khối lượng cơ bản không vượt quá sai số cho phép theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số đối với kích thước, khối lượng;

c) Lắp thêm hoặc tháo bỏ giá nóc của ô tô con được cung cấp và công bố bởi nhà sản xuất hoặc thông qua đại lý, nhà phân phối được ủy quyền.

d) Lắp thêm hoặc tháo bỏ: thanh trang trí thùng hàng, thanh thể thao; nắp che khoang chở hàng, hành lý đối với xe ô tô pickup được cung cấp và công bố bởi nhà sản xuất hoặc thông qua đại lý, nhà phân phối được ủy quyền.

đ) Thay đổi một số kết cấu của thùng chở hàng như: mở thêm cửa hoặc thay đổi vị trí cửa hoặc thay đổi kết cấu cửa thùng hàng; thay thế vật liệu bọc, lót thùng hàng (như tôn bọc dạng phẳng thành dạng sóng hoặc ngược lại); bọc thêm hoặc tháo bỏ tôn phủ phần khung mui; lắp thêm hoặc tháo bỏ nắp chắn bụi cho thùng chở hàng của xe tự đổ.

e) Lắp đặt thêm hoặc tháo bỏ: bậc bước chân lên xuống; trang trí ống xả; ống hút gió; đai trang trí bảo hiểm đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu; đèn sương mù theo TCVN 6978:2001; mui gió nhưng không làm thay đổi kích thước bao của xe.

Các thay đổi nêu tại khoản này phải đảm bảo theo yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng. Đồng thời, các thay đổi nêu tại khoản này (trừ điểm b, điểm c) phải đảm bảo kích thước bao (dài, rộng, cao), khối lượng bản thân của xe thực tế so với thông số tương ứng trên thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe nhập khẩu hoặc phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe sản xuất, lắp ráp hoặc giấy chứng nhận xe cải tạo không vượt quá sai số cho phép theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sai số cho phép và làm tròn số đối với kích thước, khối lượng.

7. Kiểu loại của đèn chiếu sáng hoặc đèn tín hiệu, trừ trường hợp sau:

a) Thay thế bóng đèn thuộc cụm đèn chiếu sáng phía trước bằng bóng đèn loại khác có công suất tiêu thụ điện tương đương mà không cần phải can thiệp, thay đổi kết cấu của cụm đèn, dây dẫn điện.

b) Thay thế toàn bộ cụm đèn chiếu sáng phía trước, cụm đèn tín hiệu bằng cụm đèn nâng cấp do nhà sản xuất, các đại lý hoặc nhà phân phối được ủy quyền của nhà sản xuất hoặc nhập khẩu công bố và cung cấp có chung giắc cắm, không can thiệp thay đổi cấu trúc thân vỏ và hệ thống điện.

8. Kiểu loại động cơ.

9. Kiểu loại hộp số.

10. Kiểu loại cầu.

11. Loại nhiên liệu sử dụng (trừ xe thuần điện).

12. Kiểu hệ dẫn động hybrid điện hoặc hệ dẫn động điện (xe sử dụng điện hoặc xe hybrid điện).

13. Kiểu loại hệ thống lưu trữ năng lượng điện (hệ thống REESS) của xe hybrid, xe thuần điện hoặc loại ắc quy sử dụng cho mô tô, xe gắn máy điện và các loại xe khác.

14. Kiểu truyền lực trung gian.

15. Kiểu điều khiển phanh hoặc dẫn động phanh hoặc cơ cấu phanh (trừ trường hợp nâng cấp đĩa phanh, má phanh, cụm kẹp phanh bằng cụm linh kiện tùy chọn chính hãng do nhà sản xuất xe thiết kế, cung cấp và được các đại lý hoặc nhà phân phối được ủy quyền của nhà sản xuất hoặc nhập khẩu thực hiện).

16. Kiểu loại cơ cấu lái hoặc kiểu dẫn động lái hoặc kiểu điều khiển lái.

17. Kiểu hệ thống treo hoặc kết cấu của bộ phận đàn hồi, dẫn hướng (trừ trường hợp thay thế cụm giảm chấn, lò xo loại khác do nhà sản xuất thiết kế, cung cấp và được các đại lý hoặc nhà phân phối được ủy quyền của nhà sản xuất hoặc nhập khẩu thực hiện).

18. Kích cỡ của vành, lốp (trừ trường hợp thay thế cỡ lốp khác mà trong tài liệu hướng dẫn của nhà sản xuất cho phép lắp cỡ lốp đó).

19. Thiết bị đặc trưng, chuyên dùng.

20. Hệ thống xử lý khí thải.

II. Đối với xe máy chuyên dùng

Xe máy chuyên dùng cải tạo là xe có sự thay đổi một trong các đặc điểm sau:

1. Nhãn hiệu.

2. Loại phương tiện.

3. Thông số kỹ thuật cơ bản hoặc thông số kỹ thuật đặc trưng.